

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÁI NƯỚC  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 244/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 27-12-2022  
V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Ngọc Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Quốc Trung

2. Ông Nguyễn Văn Sol

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Chí Thêm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 518/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 258/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Võ Thị R**, sinh năm 1984 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh **Trần Út Nh**, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 06/9/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Võ Thị R trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Út Nh kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau vào ngày 16/11/2011. Trong thời gian chung sống chị và anh Nh thường xuyên mâu thuẫn, cự cãi với nhau, hôn nhân không hạnh phúc, do đã có ba đứa con nên chị đã cố gắng chịu đựng, cố gắng giữ gìn gia đình để nuôi con khôn lớn, trước đây chị có nộp đơn khởi kiện tại Tòa án để xin ly hôn với anh Nh, tuy nhiên vì thương con còn nhỏ và vì anh Nh hứa sửa đổi nên chị

đã rút đơn khởi kiện cho anh Nh cơ hội hàn gắn để cùng chăm lo cho các con nhưng anh Nh vẫn không thay đổi. Nay xét thấy, tính tình anh Nh vẫn không thay đổi, hôn nhân giữa chị và anh Nh vẫn không thể hòa hợp, không thể hạnh phúc và không thể tiếp tục kéo dài được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Út Nh.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh Trần Út Nh có ba người con chung tên: Trần Văn Q, sinh ngày 02/8/2004; Trần Văn L, sinh ngày 20/4/2007 và Trần Quốc M, sinh ngày 05/9/2011; hiện các con đang sống cùng với chị và anh Nh. Sau khi ly hôn, đối với cháu Trần Văn Q đã trưởng thành, không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn đối với cháu Trần Văn L và Trần Quốc M chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các con đủ 18 tuổi; chị không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống chị và anh Trần Út Nh không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Trong thời gian chung sống chị và anh Trần Út Nh không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng anh chị, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn là anh Trần Út Nh được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà anh Nh không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị R. Đồng thời, Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ hai lần thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chỉ có nguyên đơn là chị Võ Thị R có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, bị đơn là anh Trần Út Nh vắng mặt không lý do nên không tiến hành hòa giải được, cũng như nghe ý kiến của anh Nh về yêu cầu ly hôn của chị R.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa chị Võ Thị R và anh Trần Út Nh là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Xin ly hôn”, bị đơn có nơi cư trú tại ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là

Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn là anh Trần Út Nh vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị R và anh Trần Út Nh tự nguyện tiến đến hôn nhân, căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau vào ngày 16/11/2011 nên đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị R và anh Nh là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Theo chị Võ Thị R trình bày thì trong thời gian chung sống chị và Trần Út Nh thường xuyên mâu thuẫn, cự cãi với nhau, hôn nhân không hạnh phúc, trước đây chị đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án để xin ly hôn với anh Nh, tuy nhiên vì thương con còn nhỏ và vì anh Nh hứa sửa đổi nên chị đã rút đơn khởi kiện cho anh Nh cơ hội hàn gắn để cùng chăm lo cho các con; nay xét thấy, tính tình anh Nh vẫn không thay đổi, hôn nhân giữa chị và anh Nh vẫn không thể hòa hợp, không thể hạnh phúc và không thể tiếp tục kéo dài được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nh. Đối với anh Trần Út Nh, trong quá trình tố tụng anh Nh đã nhận thông báo thụ lý vụ án, nhận giấy mời, giấy triệu tập của Tòa án nhưng anh Nh không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị R, như vậy anh Nh đã từ bỏ quyền chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân đối với chị R. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị Võ Thị R và anh Trần Út Nh đã không còn, chị R cương quyết ly hôn, anh Nh biết được sự việc nhưng không có thiện chí hàn gắn, bỏ mặc, không quan tâm, điều này cho thấy hôn nhân giữa chị R và anh Nh đã không còn hạnh phúc và đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị R là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Theo chị Võ Thị R trình bày thì trong thời gian chung sống chị R và anh Nh ba người con chung tên: Trần Văn Q, sinh ngày 02/8/2004; Trần Văn L, sinh ngày 20/4/2007 và Trần Quốc M, sinh ngày 05/9/2011; hiện các con đang sống cùng với chị R và anh Nh. Xét thấy, cháu Trần Văn Q đã trưởng thành, không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình, chị R không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nh không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; đối với cháu Trần Văn L và Trần Quốc M chị R có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu L và cháu M là được sống cùng với mẹ

(Tại biên bản ghi nhận nhận ý kiến của cháu Trần Văn L và cháu Trần Quốc M ngày 03/11/2022), anh Nh không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con của chị R, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị R giao cháu L và cháu M cho chị R nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Võ Thị R không yêu cầu anh Trần Út Nh cấp dưỡng nuôi con, anh Nh không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Theo chị Võ Thị R trình bày thì trong thời gian chung sống chị Võ Thị R và anh Trần Út Nh không có tài sản chung, chị R không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nh không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ thu, nợ trả: Theo chị Võ Thị R trình bày thì trong thời gian chung sống chị Võ Thị R và anh Trần Út Nh không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng anh chị, chị R không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nh không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị R. Chị Võ Thị R được ly hôn với anh Trần Út Nh.

2. Về con chung: Con chung tên Trần Văn Q, sinh ngày 02/8/2004 đã trưởng thành, không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình, chị R không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Giao con chung tên Trần Văn L, sinh ngày 20/4/2007 và Trần Quốc M, sinh ngày 05/9/2011 cho chị Võ Thị R nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu L và cháu M đủ 18 tuổi.

Anh Trần Út Nh có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây cản trở hoặc

ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Võ Thị R.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Võ Thị R không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung: Chị Võ Thị R trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về nợ thu, nợ trả: Chị Võ Thị R trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

6. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Võ Thị R phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị R đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008397 ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Chị Võ Thị R có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Út Nh vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- UBND xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Bùi Ngọc Huyền**